TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 198/2018/DS-PT
Ngày 19 -10 - 2018
V/v Tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Răng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2018/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 259/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thu H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: khóm A, thị trấn B, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: 1/ Chị Trần Thị D, sinh năm 1984.

2/ Anh Nguyễn Quốc S, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: khóm B, thị trấn C, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trương Thị H1, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Chị Trần Thị D – Bị đơn.

Anh S, bà H xin vắng mặt, những người tham gia tố tụng còn lại có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Dương Thị Thu H trình bày: Khoảng năm 2015 Chị Trần Thị D và Anh Nguyễn Quốc S có vay, mượn tiền và nợ tiền hụi của bà các khoản như sau:

Về tiền vay:

+ Ngày 20/02/2015 chị D, anh S vay 20.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời gian vay 02 tháng, chị D, anh S đóng lãi được 03 tháng thì ngưng không đóng lãi và không trả vốn, việc vay nợ có làm biên nhận, anh S và chị D cùng ký tên.

+ Ngày 20/4/2015 chị D có nhờ bà H vay giùm số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời gian vay 05 tháng, chị D đóng lãi được 03 tháng thì không đóng lãi, trả vốn cho đến nay, chị D có ký biên nhận nợ.

+ Ngày 29/5/2015 chị D vay không lãi 20.000.000 đồng, đến nay vẫn chưa thanh toán, chị D có ký biên nhận nợ.

+ Ngày 08/6/2015 chị D vay không lãi 20.000.000 đồng, thời hạn trả 01 tháng, đến nay vẫn chưa thanh toán, việc vay nợ có làm biên nhận do chị D ký.

Tổng số tiền vốn vay bằng 130.000.000 đồng.

Về tiền mượn:

+ Năm 2015 chị D mượn bà 13.000.000 đồng để đóng hụi, hụi do bà H tham gia giùm, hụi do bà G làm chủ.

+ Tháng 07 năm 2015 chị D mượn bà 10.000.000 đồng để đóng hụi, chân hụi do bà H tham gia giùm chị D.

Tổng tiền mượn còn nợ là 23.000.000 đồng.

Về tiền hụi:

+ Chị D nhờ bà H tham gia giùm 01 chân hụi do chị L làm chủ, loại 5.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2015, khui 02 lần vào 15, 30 hàng tháng. Đến nay hụi đã mãn, chị D còn nợ bà tiền đóng hụi chết bằng 136.500.000 đồng.

+ Ngoài ra chị D có nhờ bà giùm 01 chân hụi do chị D tham gia cùng chị D với số tiền bằng 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi là 156.500.000 đồng.

Tổng cộng các khoản bà yêu cầu chị D, anh S và bà H1 nợ bà 309.500.000 đồng.

Quá trình chị D vay nợ, mượn tiền và tham gia hụi thì chị D và anh S vẫn là vợ chồng, chưa ly hôn, có những biên nhận nợ do anh S và chị D cùng ký tên, khi chị D không có khả năng thanh toán nợ thì anh S có nói là đợi vợ (chị D) về để đối chiếu nợ, anh S đã trả cho bà được 6.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu chị D, anh S, bà H1 liên đới trả khoản tiền vay vốn gốc, tiền hụi, tiền mượn là 303.500.000 đồng, bà không yêu cầu thanh toán lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà H rút lại một phần yêu cầu đối với khoản tiền mượn 10.000.000 đồng do không có biên nhận và chị D không thừa nhận.

Như vậy tổng số tiền bà H yêu cầu chị D, anh S phải thanh toán bằng 293.500.000 đồng.

Chị Trần Thị D trình bày: Chị thừa nhận có thực hiện các giao dịch vay tiền và nhờ bà H tham gia chơi dùm các dây hụi như bà H khai, các biên nhận thực hiện các giao dịch do bà H cung cấp tại hồ sơ là bút tích của chị. Trong năm 2016 chị có

quyết toán các khoản trên chị còn nợ bà H 170.000.000 đồng (tính số tròn) và đã thanh toán cho bà H nhiều lần được trên 150.000.000 đồng, chị có ghi một biên nhận chốt nợ nhưng do bị thất lạc nên không cung cấp được cho Tòa án.

Hiện chị xác định chỉ còn nợ bà H các khoản bằng 20.000.000 đồng và đồng ý thanh toán khoản nợ này cho bà H.

Bà Trương Thị H1 trình bày: Thống nhất với nội trình bày và yêu cầu của chị D.

Anh Nguyễn Quốc S trình bày: Từ trước đến nay anh không quan hệ vay mượn hay chơi hụi với bà H. Giữa bà H và chị D có quan hệ tiền bạc anh không rõ. Trước chị Trần Thị D có đưa cho anh giấy vay mượn tiền của bà H, nhờ anh xác nhận là có vay của bà H một khoản tiền vài chục triệu (không xác định cụ thể), sau đó chị D đã trả xong khoản tiền trên.

Sau khi chị D đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, bà H lấy giấy vay mượn nợ với số tiền 15.000.000 đồng có chữ ký của chị D và có chữ ký xác nhận của anh để yêu cầu anh thanh toán. Anh đã trả bà H 03 lần với số tiền 7.000.000 đồng.

Anh S cho rằng chỉ ký tên tại biên nhận nêu trên và không hưởng lợi ích gì từ việc vay mượn nợ của chị D nên không chấp nhận chịu trách nhiệm liên đới với chị D thanh toán các khoản nợ theo yêu cầu của bà H.

Từ nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Bà Dương Thị Thu H.

- Buộc Chị Trần Thị D và Anh Nguyễn Quốc S có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Bà Dương Thị Thu H số tiền vốn vay là 14.000.000 đồng.

- Buộc Bà Trương Thị H1 và Chị Trần Thị D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Bà Dương Thị Thu H số tiền nợ hụi là 120.000.000 đồng

- Buộc Chị Trần Thị D thanh toán cho Bà Dương Thị Thu H số tiền vay vốn là 110.000.000 đồng và tiền vay không lãi (mượn) 10.000.000 đồng và tiền nợ hụi 20.000.000 đồng. Tổng cộng 140.000.000 đồng.

Về lãi suất: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

2. Bác yêu cầu của Bà Dương Thị Thu H đòi chị D và anh S thanh toán số tiền mượn tham gia hụi giùm là 3.000.000 đồng, bác yêu cầu của bà H buộc chị D và bà H1 thanh toán tiền hụi và khoản lãi hụi là 16.500.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khoản tiền mượn bằng 10.000.000 đồng của bà H, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý trách nhiệm án phí, lệ phí, thông báo cho những người tham gia tố tụng biết quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2018 Chị Trần Thị D kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã tuyên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền vay và tiền hụi vì chị đã trả xong cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm chị D vẫn bảo lưu yêu cầu kháng cáo.

Căn cứ kháng cáo:

Chị xác định có thực hiện các giao dịch vay tiền và nhờ bà H tham gia chơi dùm các dây hụi như bà H khai, các biên nhận thực hiện các giao dịch do bà H cung cấp tại hồ sơ là bút tích của chị. Năm 2016 chị có quyết toán các khoản trên chị còn nợ bà H 170.000.000 đồng (tính số tròn) và đã thanh toán cho bà H nhiều lần được trên 150.000.000 đồng, chị có ghi một biên nhận chốt nợ nhưng do bị thất lạc nên không cung cấp được cho Tòa án.

Hiện chị xác định chỉ còn nợ bà H các khoản bằng 20.000.000 đồng và đồng ý thanh toán khoản nợ này cho bà H.

Yêu cầu chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm, xác định trách nhiệm chị còn nợ bà H 20.000.000 đồng.

Bà H không chấp nhận căn cứ kháng cáo như chị D trình bày, yêu cầu không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

[2] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Án sơ thẩm xử lý vụ án có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên toà, chị D thừa nhận việc giao dịch vay mượn và phần bà H chơi hụi dùm cho chị như bà H trình bày. Các biên nhận nợ do bà H cung cấp chị D nhận là bút tích của chị.

Các đương sự khai mâu thuẫn với nhau về việc thanh toán các khoản nợ trên, theo chị D thì các khoản nợ bà H yêu cầu chị chỉ còn nợ lại bà H 20.000.000 đồng, ngoài khoản nợ này ra chị không nợ bà H bất kỳ khoản nợ nào khác. Bà H không chấp nhận căn cứ kháng cáo chị D đã trình bày.

Theo yêu cầu của bà H được chứng minh qua các biên nhận, cộng chung tổng số tiền bà H yêu cầu chị D cùng những người liên quan là bà H1, anh S thanh toán bằng 293.500.000 đồng. Án sơ thẩm đối trừ với các khoản không được chấp nhận gồm tiền 3.000.000 đồng bà H cho rằng chị D mượn tham gia chơi hụi dùm, không chấp nhận yêu cầu đối với khoản lãi hụi phát sinh là 16.500.000 đồng phần dây hụi 5.000.000 đồng do khởi kiện của bà H không yêu cầu tính lãi. Buộc chị D và những người liên quan là bà H1, anh S thanh toán cho bà H tổng số tiền bằng 274.000.000 đồng.

Việc giao dịch vay mượn có biên nhận nếu người vay đã thanh toán thì phải thu hồi lại biên nhận hoặc người nhận thanh toán phải ghi lại biên nhận cho người thanh toán để khi quyết toán có cơ sở đối chiếu , đối trừ nghĩa vụ với nhau . Đây là cách thức giao dịch thông thường, phổ biến trong đời sống xã hội. Chị D cho rằng đã thanh toán nợ nhưng không chứng minh được đã thực hiện một trong các bước trên, không chứng minh được việc đã thanh toán nợ cho bà H. Nên án sơ thẩm buộc chị thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà H theo chính biên nhận chị xác định là phù hợp. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị D.

[4] Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của Chị Trần Thị D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2018/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Dương Thị Thu H.

- Buộc Chị Trần Thị D và Anh Nguyễn Quốc S có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Bà Dương Thị Thu H số tiền vốn vay là 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng).*

- Buộc Bà Trương Thị H1 và Chị Trần Thị D có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Bà Dương Thị Thu H số tiền nợ hụi là 120.000.000 đồng *(một trăm hai mươi triệu đồng)*

- Buộc Chị Trần Thị D thanh toán cho Bà Dương Thị Thu H số tiền vay vốn là 110.000.000 đồng và tiền vay không lãi (mượn) 10.000.000 đồng và tiền nợ hụi 20.000.000 đồng. Tổng cộng 140.000.000 đồng *(một trăm bốn mươi triệu đồng).*

Về lãi suất: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Bà Dương Thị Thu H đòi chị D và anh Sthanh toán số tiền mượn tham gia hụi giùm là 3.000.000 đồng.

Không chấp yêu cầu của bà H buộc chị D và bà H thanh toán tiền hụi và khoản lãi hụi là 16.500.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khoản tiền mượn bằng 10.000.000 đồng của bà H, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Kể từ bà H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp chị D, anh S và bà H chậm thi hành các khoản tiền nêu trên thì chị D, anh S và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị D và Anh Nguyễn Quốc S phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 700.000 đồng (*bảy trăm nghìn đồng*).

Chị Trần Thị D và Bà Trương Thị H1 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*).

Chị Trần Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000 đồng *(bảy triệu đồng).*

Án phí phúc thẩm Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng ngày 31 tháng 8 năm 2018 chị D đã dự nộp 300.000 đồng lai thu số 0016092 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

Bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 975.000 đồng, ngày 22/02/2018 bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 7.620.300 đồng theo biên lai thu tiền số 0015793 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, đối trừ bà H được nhận lại 6.645.300 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Văn Yên